

Số: /QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 11 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính nội bộ (01 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước và 03 thủ tục hành chính nội bộ trong Bộ Khoa học và Công nghệ thuộc lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ) tại Quyết định số 1919/QĐ-BKHHCN ngày 28 tháng 8 năm 2023.

(Danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố, trực thuộc TW;
- Sở KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Trung tâm Công nghệ thông tin (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- Lưu: VT, VP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Xuân Định

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKH&CN ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ KH&CN)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN)

| STT | Tên TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|----------|--|---------------------------|--|
| I | TTHC CẤP TRUNG ƯƠNG | | |
| 1. | Thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |
| 2. | Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân có đóng góp cho lĩnh vực KH&CN | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |
| 3. | Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân công tác trong lĩnh vực KH&CN | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |
| 4. | Thủ tục thành lập khu công nghệ cao | Phát triển tiềm lực KH&CN | Bộ KH&CN |
| 5. | Thủ tục mở rộng khu công nghệ cao | Phát triển tiềm lực KH&CN | Bộ KH&CN |
| 6. | Thủ tục thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Phát triển tiềm lực KH&CN | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 7. | Thủ tục mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Phát triển tiềm lực KH&CN | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| | | | |
|-----------|--|-----------------|----------|
| II | TTHC CẤP TỈNH | | |
| 1. | Thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư | Hoạt động KH&CN | Sở KH&CN |

B. Danh mục TTHC nội bộ trong Bộ KH&CN mới ban hành

| STT | Tên TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|-----------------|-------------------|
| 1. | Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân có đóng góp trong lĩnh vực KH&CN | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |
| 2. | Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ KH&CN (khen thưởng thường xuyên) | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |
| 3. | Thủ tục xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ KH&CN (đề nghị khen thưởng đột xuất) | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |

C. Danh mục TTHC nội bộ bị bãi bỏ

I. Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|----------|---|---|-----------------|-------------------|
| 1. | 6.000735 | Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân không thuộc Bộ KH&CN | Thông tư số 22/2023/TT-BKHCN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |

| | | | | | |
|--|--|--|-----------------------------------|--|--|
| | | | khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN. | | |
|--|--|--|-----------------------------------|--|--|

II. Danh mục TTHC nội bộ trong Bộ KH&CN bị bãi bỏ

| TT | Tên thủ tục hành chính | Tên văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|----|---|--|-----------------|-------------------|
| 1. | Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ KH&CN (khen thưởng thường xuyên) | Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022 có hiệu lực từ ngày 01/01/2024, do đó, các văn bản quy định chi tiết dưới Luật đều hết hiệu lực thi hành. Để quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022, Bộ KH&CN ban hành 02 văn bản mới sau đây: (1) Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN; (2) Quyết định số 91/QĐ-BKH&CN ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ KH&CN. | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |
| 2. | Thủ tục xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ KH&CN (đề nghị đột | Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022 có hiệu lực từ ngày 01/01/2024, do đó, các văn bản quy định chi tiết dưới Luật đều hết hiệu lực thi hành. Để quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022, Bộ KH&CN ban hành 02 văn bản mới | Hoạt động KH&CN | Bộ KH&CN |

| | | | | |
|----|--|---|----------------------------|---------------------|
| | xuất) | <p>sau đây: (1) Thông tư số 22/2023/TT-BKHHCN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN;</p> <p>(2) Quyết định số 91/QĐ-BKHHCN ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ KH&CN.</p> | | |
| 3. | <p>Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân thuộc Bộ KH&CN</p> | <p>Thông tư số 22/2023/TT-BKHHCN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN;</p> | <p>Hoạt động KH&CN</p> | <p>Bộ KH&CN</p> |

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TTHC

A. Danh mục TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN

I. TTHC cấp trung ương

1. Thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư

1.1 Trình tự thực hiện:

- Cơ quan yêu cầu giám định (là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN) gửi văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư), kèm theo các tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm trong dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đến Bộ KH&CN.

Trường hợp Bộ KH&CN đồng thời là cơ quan yêu cầu giám định thì bỏ qua bước yêu cầu tổ chức việc giám định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định, Bộ KH&CN xem xét các căn cứ để thực hiện giám định và sự cần thiết của việc tổ chức giám định.

Trường hợp không đủ căn cứ để thực hiện giám định hoặc không cần thiết tổ chức việc giám định, Bộ KH&CN ban hành văn bản gửi cơ quan yêu cầu giám định, nêu rõ lý do không tổ chức việc giám định.

Trường hợp có đủ căn cứ và cần thiết phải tổ chức việc giám định, Bộ KH&CN ban hành văn bản (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg) gửi nhà đầu tư đề nghị báo cáo và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Bộ KH&CN, nhà đầu tư cung cấp 01 bản báo cáo kèm theo bản sao có chứng thực (hoặc có xác nhận sao y bản chính của nhà đầu tư) các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư cho Bộ KH&CN.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được báo cáo và các hồ sơ, tài liệu của nhà đầu tư, Bộ KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN và tổ chức họp Hội đồng để xem xét, cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

Trường hợp phiên họp Hội đồng chưa đủ căn cứ để cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ hoặc có nhiều ý kiến không thống nhất, Hội đồng xem xét, tư vấn thực hiện giám định thông qua

tổ chức giám định được chỉ định và các nội dung cần giám định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được kiến nghị của Hội đồng về việc thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định, Bộ KH&CN tổ chức lựa chọn, ban hành văn bản đề nghị giám định và cấp chứng thư giám định (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg), tiến hành thỏa thuận, ký hợp đồng giám định với tổ chức giám định được chỉ định. Nội dung, thời gian và kinh phí thực hiện giám định quy định tại Hợp đồng giám định.

Trường hợp phải đấu thầu lựa chọn tổ chức giám định, Bộ KH&CN tổ chức đấu thầu, thời gian và trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được chứng thư giám định do tổ chức giám định được chỉ định cấp, Bộ KH&CN tổ chức họp Hội đồng tư vấn KH&CN lần thứ hai, cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được ý kiến của Hội đồng tư vấn KH&CN về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư, Bộ KH&CN xem xét các nội dung kiến nghị của Hội đồng để kết luận về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư, gửi cơ quan yêu cầu giám định và các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cần thiết, Bộ KH&CN lấy thêm ý kiến của chuyên gia độc lập để xem xét, kết luận.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Cơ quan yêu cầu giám định gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ KH&CN; hoặc gửi hồ sơ trực tuyến (thực hiện sau khi có hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định kèm theo các tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm trong dự án đầu tư.

- Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 65 ngày;

- Trường hợp phải thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 110 ngày;

- Trường hợp phải đấu thầu lựa chọn tổ chức giám định được chỉ định, thời gian có thể kéo dài thêm, thời gian thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Bộ KH&CN.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Văn bản kết luận về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

1.8. Lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định (*Mẫu số 01 Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg*)

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có căn cứ xác định nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

Mẫu số 01

(Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg)

TÊN CƠ QUAN YÊU CẦU
GIÁM ĐỊNH¹CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v yêu cầu tổ chức việc giám định
chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị,
đây chuyên công nghệ trong dự án đầu tư

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền²

Căn cứ Quyết định số/2023/QĐ-TTg ngày ...tháng ...năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, đây chuyên công nghệ trong dự án đầu tư;

Ngày...tháng...năm....., (cơ quan yêu cầu giám định) có căn cứ xác định Nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, cụ thể như sau:

1. Thông tin về dự án (tên dự án; tên nhà đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; lĩnh vực đầu tư; quy mô của dự án):
2. Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:
3. Tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm:
 - Lừa dối, giả tạo trong việc lập Hồ sơ dự án đầu tư:.....
 - Lừa dối, giả tạo trong việc lập Hợp đồng chuyển giao công nghệ:
 - Triển khai thực hiện dự án đầu tư không đúng với hồ sơ đã đăng ký:
 - Triển khai hợp đồng chuyển giao công nghệ không đúng với hồ sơ đăng ký hoặc cấp phép:

.....(cơ quan yêu cầu giám định) đề nghị(cơ quan có thẩm quyền) tổ chức việc giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, đây chuyên công nghệ trong dự án nêu trên và gửi kết quả giám định đến(cơ quan yêu cầu giám định) sau khi hoàn thành việc giám định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Cơ quan yêu cầu giám định là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN.

² Cơ quan có thẩm quyền là Bộ KH&CN đối với dự án có dấu hiệu vi phạm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; hoặc là cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án đối với dự án có dấu hiệu vi phạm không thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân có đóng góp cho lĩnh vực KH&CN

2.1. Trình tự thực hiện

a) Thẩm quyền gửi hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”.

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo quy định đến Bộ KH&CN cho các cá nhân sau: Cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có đóng góp đối với sự nghiệp phát triển KH&CN của Việt Nam.

- Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo quy định đến Bộ KH&CN cho các cá nhân sau: Cá nhân thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Cá nhân có phát minh, sáng chế, sáng kiến, giải pháp về KH&CN được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được ứng dụng có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào kinh tế - xã hội.

- Giám đốc Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo quy định đến Bộ KH&CN cho các cá nhân sau: Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, ban, ngành và tương đương có thời gian giữ chức vụ đủ 01 nhiệm kỳ trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương; Cá nhân có phát minh, sáng chế, sáng kiến, giải pháp về KH&CN được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được ứng dụng có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào kinh tế - xã hội.

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Bộ KH&CN gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương đến Bộ KH&CN cho cá nhân trong các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN (trừ các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 12 Thông tư số 22/2023/TT-BKHCN).

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được gửi trước ngày 20/4 hằng năm đối với các đối tượng sau:

- Người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, ban, ngành và tương đương có thời gian giữ chức vụ đủ 01 nhiệm kỳ trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định.

- Cá nhân có phát minh, sáng chế, sáng kiến, giải pháp về KH&CN được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được ứng dụng có giá trị thực tiễn, đóng góp

thiết thực, hiệu quả vào kinh tế - xã hội.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương;

- Bản danh sách trích ngang có tóm tắt thành tích của các trường hợp đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính) và các văn bản điện tử của hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC

Các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ KH&CN

2.7. Kết quả thực hiện TTHC

Quyết định tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân có đóng góp trong lĩnh vực KH&CN.

2.8. Phí, lệ phí: không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Danh sách trích ngang thông tin các cá nhân đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” (Mẫu kèm theo Phụ lục tại Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

2.10.1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” được xét tặng một lần cho một cá nhân vào dịp kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam hoặc theo quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

2.10.2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” được xét tặng cho cá nhân có đóng góp cho lĩnh vực KH&CN, đạt điều kiện sau:

a) Cá nhân công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước có đóng góp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các hoạt động KH&CN, gồm:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở, ban, ngành và tương đương có thời gian giữ chức vụ đủ 01 nhiệm kỳ trở lên và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có đóng góp đối với sự nghiệp phát triển KH&CN của Việt Nam.

c) Cá nhân có phát minh, sáng chế, sáng kiến, giải pháp về KH&CN được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được ứng dụng có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào kinh tế - xã hội.

d) Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

2.10.3. Các trường hợp không được và chưa được xét tặng Kỷ niệm chương

- Không xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Chưa xem xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Cá nhân bị kỷ luật chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau khi hết thời gian thi hành kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

- Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN.

**Mẫu Danh sách trích ngang thông tin các cá nhân đề nghị tặng
Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của
Bộ trưởng Bộ KH&CN)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
Thông tin các cá nhân đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”

| TT | Họ và tên | CCCD/ Hộ chiếu (Số, ngày cấp, nơi cấp) | Năm sinh | | Chức vụ, đơn vị công tác (nếu có) | Số năm công tác hoặc nội dung đóng góp trong lĩnh vực KH&CN | Khen thưởng nhà nước (nếu có) | Kỷ luật (nếu có) |
|-----|-----------|---|----------|----|--------------------------------------|---|-------------------------------------|---------------------|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

Xác nhận
của Cơ quan/đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ký tên, đóng dấu, nếu có)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

3. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân công tác trong lĩnh vực KH&CN

3.1. Trình tự thực hiện

a) Thẩm quyền gửi hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”

- Giám đốc các Sở KH&CN gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo quy định đến Bộ KH&CN cho cá nhân thuộc Sở KH&CN;

- Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao, gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo quy định đến Bộ KH&CN cho cá nhân thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được gửi trước ngày 20/4 hằng năm đối với các đối tượng sau:

- Lãnh đạo Sở KH&CN các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cá nhân đang công tác tại các Sở KH&CN;
- Cá nhân công tác tại lĩnh vực khác chuyển sang lĩnh vực KH&CN;
- Cá nhân thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương;
- Danh sách trích ngang có tóm tắt thành tích của các trường hợp đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính) và các văn bản điện tử của hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết: không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC

- Sở KH&CN.
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ KH&CN

3.7. Kết quả thực hiện TTHC

Quyết định tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân công tác trong lĩnh vực KH&CN.

3.8. Phí, lệ phí: không quy định

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu Danh sách trích ngang thông tin các cá nhân đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” (Mẫu kèm theo Phụ lục tại Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

3.10.1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” được xét tặng một lần cho một cá nhân vào dịp kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam hoặc theo quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

3.10.2. Điều kiện cho cá nhân đang công tác trong lĩnh vực KH&CN, được xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”

Trường hợp 1: Đối với cá nhân đang công tác tại các Sở KH&CN

a) Lãnh đạo Sở KH&CN các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương được xét tặng Kỷ niệm chương khi đáp ứng các tiêu chuẩn:

a.1. Có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 05 năm đối với cấp trưởng, 08 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian giữ chức vụ;

a.2. Cá nhân công tác ở lĩnh vực khác chuyển sang công tác ở lĩnh vực KH&CN và được bổ nhiệm cấp trưởng, cấp phó khi có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 06 năm đối với cấp trưởng, 09 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian giữ chức vụ;

a.3. Cá nhân là nữ giữ các chức vụ cấp trưởng, cấp phó thì thời gian được giảm 02 năm so với quy định;

a.4. Cá nhân có thời gian giữ chức vụ cấp trưởng nhưng không đủ thời gian để đề nghị xét tặng theo tiêu chuẩn quy định thì được cộng với thời gian giữ chức vụ cấp phó để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ đó.

b) Cá nhân đang công tác tại các Sở KH&CN có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Thời gian xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” hoặc Huân chương Lao động trở lên được giảm 03 năm; cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được giảm 02 năm so với thời gian quy định (đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ).

d) Cá nhân công tác tại lĩnh vực khác chuyển sang lĩnh vực KH&CN được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong lĩnh vực KH&CN và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Trường hợp 2: Đối với cá nhân đang công tác trực tiếp làm công tác nghiên cứu, cá nhân đang công tác tại các vụ, ban, phòng KH&CN thuộc các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Cá nhân có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở

lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Thời gian xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” hoặc Huân chương Lao động trở lên được giảm 03 năm; cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được giảm 02 năm so với thời gian quy định (đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ).

c) Cá nhân công tác tại lĩnh vực khác chuyển sang lĩnh vực KH&CN được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong lĩnh vực KH&CN và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3.10.3. Các trường hợp không được và chưa được xét tặng Kỷ niệm chương:

- Không xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Chưa xem xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Cá nhân bị kỷ luật chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau khi hết thời gian thi hành kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

- Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN.

**Mẫu Danh sách trích ngang thông tin các cá nhân đề nghị tặng
Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của
Bộ trưởng Bộ KH&CN)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
Thông tin các cá nhân đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”

| TT | Họ và tên | CCCD/ Hộ chiếu (Số, ngày cấp, nơi cấp) | Năm sinh | | Chức vụ, đơn vị công tác (nếu có) | Số năm công tác hoặc nội dung đóng góp trong lĩnh vực KH&CN | Khen thưởng nhà nước (nếu có) | Kỷ luật (nếu có) |
|-----|-----------|---|----------|----|--------------------------------------|---|-------------------------------------|---------------------|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

Xác nhận
của Cơ quan/đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ký tên, đóng dấu, nếu có)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

4. Thủ tục thành lập khu công nghệ cao

4.1. Trình tự thực hiện:

– Bước 1:

Bộ KH&CN chủ trì giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc thành lập khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao.

– Bước 2: Lập đề nghị thành lập khu công nghệ cao

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao (Nghị định số 10/2024/NĐ-CP), gửi Bộ KH&CN.

- Bước 3: Lấy ý kiến về việc thành lập khu công nghệ cao

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ KH&CN gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ KH&CN;

- Bước 4: Tổng hợp, đánh giá hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ KH&CN đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ KH&CN tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ KH&CN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ KH&CN lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập khu công nghệ cao.

4.2. Cách thức thực hiện:

Không quy định.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị thành lập khu công nghệ cao;

- Đề án thành lập khu công nghệ cao. Trong đó, Đề án thành lập khu công nghệ cao gồm các nội dung sau:

Căn cứ pháp lý và sự cần thiết của việc thành lập khu công nghệ cao;

Đánh giá hiện trạng, các yếu tố và điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, tài nguyên, KH&CN, kinh tế - xã hội, các hạn chế và lợi thế so sánh của khu vực đề xuất thành lập khu công nghệ cao so với các khu vực khác trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện thành lập khu công nghệ cao theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP (kèm theo các tài liệu có liên quan);

Dự kiến phương hướng phát triển khu công nghệ cao gồm: mục tiêu phát triển, tính chất, chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên trong khu công nghệ cao; định hướng tổ chức các khu vực chức năng để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Luật Công nghệ cao, sơ bộ định hướng phát triển không gian, quy hoạch sử dụng đất; định hướng phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ quản lý;

Dự kiến tổng vốn đầu tư, các phương thức huy động các nguồn lực và phân định trách nhiệm đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao; kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao;

Kiến nghị các giải pháp và tổ chức thực hiện;

Thể hiện phương án thành lập khu công nghệ cao trên bản đồ tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000.

* Số lượng hồ sơ: 10 bộ hồ sơ (trong đó có 02 bộ hồ sơ bản chính)

b) Thành phần hồ sơ trình thành lập khu công nghệ cao do Bộ KH&CN trình:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Bộ KH&CN trình về việc thành lập khu công nghệ cao trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ (kèm theo dự thảo Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao);

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị thành lập khu công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Đề án thành lập khu công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ KH&CN gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ KH&CN;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ KH&CN đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ KH&CN tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ KH&CN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ KH&CN lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập khu công nghệ cao.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ KH&CN

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ

4.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định thành lập khu công nghệ cao.

4.8. Lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện thành lập khu công nghệ cao quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP:

4.10.1. Các điều kiện chung:

a) Phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Có quy mô diện tích phù hợp và khả thi về sử dụng đất; điều kiện tự nhiên thích hợp;

- c) Có điều kiện hạ tầng và vị trí giao thông thuận lợi;
- d) Có khả năng liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao;
- đ) Có phương án khả thi về nguồn nhân lực và đội ngũ quản lý chuyên nghiệp cho khu công nghệ cao;
- e) Có phương án khả thi huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu công nghệ cao; bảo đảm khả năng cân đối của ngân sách nhà nước (nếu có);
- g) Có phương án khả thi xây dựng khu nhà ở, công trình công cộng liền kề hoặc xung quanh khu công nghệ cao để đảm bảo phục vụ đời sống chuyên gia, người lao động làm việc trong khu công nghệ cao theo nhu cầu và tiến độ xây dựng khu công nghệ cao;
- h) Đáp ứng điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- i) Bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4.10.2. Điều kiện thành lập đối với khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao:

- a) Đáp ứng các điều kiện chung;
- b) Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ cao, công nghiệp công nghệ cao;
- c) Đáp ứng các điều kiện để triển khai các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao;
- d) Có phương án khả thi cung ứng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ thuận lợi đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao; cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Công nghệ cao năm 2008.
- Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao.

5. Thủ tục mở rộng khu công nghệ cao

5.1. Trình tự thực hiện:

– *Bước 1:*

Bộ KH&CN chủ trì giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc mở rộng khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao.

– *Bước 2: Lập đề nghị mở rộng khu công nghệ cao*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị mở rộng khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của

Chính phủ quy định về khu công nghệ cao (Nghị định số 10/2024/NĐ-CP), gửi Bộ KH&CN.

- Bước 3: Lấy ý kiến về việc mở rộng khu công nghệ cao

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ KH&CN gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ KH&CN;

- Bước 4: Tổng hợp, đánh giá hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ KH&CN đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ KH&CN tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ KH&CN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ KH&CN lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định mở rộng khu công nghệ cao.

5.2. Cách thức thực hiện:

Không quy định.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ đề nghị mở rộng khu công nghệ cao do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị mở rộng khu công nghệ cao;

- Đề án mở rộng khu công nghệ cao. Trong đó, Đề án mở rộng khu công nghệ cao gồm các nội dung sau:

Căn cứ pháp lý và sự cần thiết của việc mở rộng khu công nghệ cao;

Đánh giá công tác xây dựng, phát triển và hoạt động của khu công nghệ cao hiện hữu theo quy hoạch chung xây dựng (nếu có) và quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt; làm rõ tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao;

Đánh giá hiện trạng, các yếu tố và điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, tài nguyên, KH&CN, kinh tế - xã hội, các hạn chế và lợi thế so sánh của khu vực đề xuất mở rộng khu công nghệ cao;

Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện mở rộng khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP (kèm theo các tài liệu có liên quan);

Dự kiến phương hướng phát triển đối với khu vực đề xuất mở rộng gồm: mục tiêu phát triển, tính chất, chức năng, nhiệm vụ của phần mở rộng; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên đối với phần mở rộng; định hướng tổ chức các khu vực chức năng để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Luật Công nghệ cao, sơ bộ định hướng phát triển không gian, quy hoạch sử dụng đất; định hướng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu mở rộng;

Dự kiến tổng vốn đầu tư, các phương thức huy động nguồn lực và phân định trách nhiệm đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghệ cao; kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghệ cao;

Kiến nghị các giải pháp và tổ chức thực hiện;

Thể hiện phương án mở rộng khu công nghệ cao trên bản đồ tỷ lệ 1:10.000- 1:25.000.

* Số lượng hồ sơ: 10 bộ hồ sơ (trong đó có 02 bộ hồ sơ bản chính)

b) Thành phần hồ sơ trình mở rộng khu công nghệ cao do Bộ KH&CN trình:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Bộ KH&CN về việc mở rộng khu công nghệ cao trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ (kèm theo dự thảo Quyết định mở rộng và ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao);

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị mở rộng khu công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Đề án mở rộng khu công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ KH&CN gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ KH&CN;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ KH&CN đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ KH&CN tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ KH&CN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ KH&CN lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định mở rộng khu công nghệ cao.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ KH&CN

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ

5.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định mở rộng khu công nghệ cao.

5.8. Lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện mở rộng khu công nghệ cao quy định tại Điều 6 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP:

- Khu vực đề xuất mở rộng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao đã triển khai phải hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng (nếu có) và quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt.

- Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao đã triển khai đạt tối thiểu 60%.

- Khu vực đề xuất mở rộng có vị trí, quy mô và các điều kiện đảm bảo kết nối thuận lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu công nghệ cao đã triển khai.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Công nghệ cao năm 2008.

- Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao.

6. Thủ tục thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

6.1. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao.

- *Bước 2: Lập đề nghị thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao (Nghị định số 10/2024/NĐ-CP), gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- *Bước 3: Lấy ý kiến về việc thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- *Bước 4: Tổng hợp, đánh giá hồ sơ*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- *Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6.2. Cách thức thực hiện:

Không quy định.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ đề nghị thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong đó, Đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gồm các nội dung sau:

Căn cứ pháp lý và sự cần thiết của việc thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Đánh giá hiện trạng, các yếu tố và điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, tài nguyên, KH&CN, kinh tế - xã hội, các hạn chế và lợi thế so sánh của khu vực đề xuất thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao so với các khu vực khác trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP (kèm theo các tài liệu có liên quan);

Dự kiến phương hướng phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gồm: mục tiêu phát triển, tính chất, chức năng, nhiệm vụ của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; định hướng tổ chức các khu vực chức năng để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Luật Công nghệ cao, sơ bộ định hướng phát triển không gian, quy hoạch sử dụng đất; định hướng phát triển nguồn nhân lực và đội ngũ quản lý;

Dự kiến tổng vốn đầu tư, các phương thức huy động các nguồn lực và phân định trách nhiệm đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Kiến nghị các giải pháp và tổ chức thực hiện;

Thể hiện phương án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên bản đồ tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000.

* Số lượng hồ sơ: 10 bộ hồ sơ (trong đó có 02 bộ hồ sơ bản chính)

b) Thành phần hồ sơ trình thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình về việc thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ (kèm theo dự thảo Quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao);

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành lập Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ

6.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6.8. Lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP:

6.10.1. Các điều kiện chung:

- a) Phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Có quy mô diện tích phù hợp và khả thi về sử dụng đất; điều kiện tự nhiên thích hợp;
- c) Có điều kiện hạ tầng và vị trí giao thông thuận lợi;
- d) Có khả năng liên kết với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có trình độ cao;
- đ) Có phương án khả thi về nguồn nhân lực và đội ngũ quản lý chuyên nghiệp cho khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- e) Có phương án khả thi huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; bảo đảm khả năng cân đối của ngân sách nhà nước (nếu có);
- g) Có phương án khả thi xây dựng khu nhà ở, công trình công cộng liền kề hoặc xung quanh khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để đảm bảo phục vụ đời sống chuyên gia, người lao động làm việc trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo nhu cầu và tiến độ xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- h) Đáp ứng điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

i) Bảo đảm quốc phòng, an ninh.

6.10.2. Điều kiện thành lập đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao:

- a) Đáp ứng các điều kiện chung;
- b) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển nông nghiệp;
- c) Đáp ứng các điều kiện để triển khai các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Công nghệ cao;
- d) Có phương án khả thi cung ứng hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ thuận lợi đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, đào tạo, thử nghiệm và trình diễn ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Công nghệ cao năm 2008.
- Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao.

7. Thủ tục mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

7.1. Trình tự thực hiện:

– Bước 1:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao.

– Bước 2: Lập đề nghị mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao (Nghị định số 10/2024/NĐ-CP), gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 3: Lấy ý kiến về việc mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Bước 4: Tổng hợp, đánh giá hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc mở rộng Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

7.2. Cách thức thực hiện:

Không quy định.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ đề nghị mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Đề án mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong đó, Đề án mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gồm các nội dung sau:

+ Căn cứ pháp lý và sự cần thiết của việc mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Đánh giá công tác xây dựng, phát triển và hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện hữu theo quy hoạch chung xây dựng (nếu có) và quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt; làm rõ tỷ lệ lấp đầy của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Đánh giá hiện trạng, các yếu tố và điều kiện về vị trí địa lý, tự nhiên, tài nguyên, KH&CN, kinh tế - xã hội, các hạn chế và lợi thế so sánh của khu vực đề xuất mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP (kèm theo các tài liệu có liên quan);

+ Dự kiến phương hướng phát triển đối với khu vực đề xuất mở rộng gồm: mục tiêu phát triển, tính chất, chức năng, nhiệm vụ của phân mở rộng; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên đối với phân mở rộng; định hướng tổ chức các khu vực chức năng để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Luật Công nghệ cao, sơ bộ định hướng phát triển không gian, quy hoạch sử dụng đất; định hướng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu mở rộng;

+ Dự kiến tổng vốn đầu tư, các phương thức huy động nguồn lực và phân định trách nhiệm đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Kiến nghị các giải pháp và tổ chức thực hiện;

+ Thể hiện phương án mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên bản đồ tỷ lệ 1:10.000- 1:25.000.

* Số lượng hồ sơ: 10 bộ hồ sơ (trong đó có 02 bộ hồ sơ bản chính)

b) Thành phần hồ sơ trình mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình:

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở kết quả đánh giá hồ sơ (kèm theo dự thảo Quyết định mở rộng và ban hành quy chế hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao);

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Đề án mở rộng, mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được chỉnh sửa, bổ sung nếu có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung);

- Các tài liệu minh chứng kèm theo (nếu có).

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ và văn bản lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và hồ sơ kèm theo, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước của mình cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá tổng hợp hồ sơ theo các nội dung quy định tương ứng tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc họp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc mở rộng Hội đồng tư vấn để làm rõ những vấn đề liên quan;

- Trong thời gian đánh giá hồ sơ, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian đánh giá hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu (nếu có), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ

7.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

7.8. Lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện mở rộng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 6 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP:

- Khu vực đề xuất mở rộng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã triển khai phải hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng (nếu có) và quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt.

- Tỷ lệ lấp đầy của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã triển khai đạt tối thiểu 60%.

- Khu vực đề xuất mở rộng có vị trí, quy mô và các điều kiện đảm bảo kết nối thuận lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã triển khai.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Luật Công nghệ cao năm 2008.

Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao.

II. TTHC cấp tỉnh

1. Thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cơ quan yêu cầu giám định (là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN) gửi văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg, kèm theo các tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm trong dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đến cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở KH&CN) nơi thực hiện dự án đầu tư.

Trường hợp Sở KH&CN đồng thời là cơ quan yêu cầu giám định thì bỏ qua bước yêu cầu tổ chức việc giám định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định, Sở KH&CN xem xét các căn cứ để thực hiện giám định và sự cần thiết của việc tổ chức giám định.

Trường hợp không đủ căn cứ để thực hiện giám định hoặc không cần thiết tổ chức việc giám định, Sở KH&CN ban hành văn bản gửi cơ quan yêu cầu giám định, nêu rõ lý do không tổ chức việc giám định.

Trường hợp có đủ căn cứ và cần thiết phải tổ chức việc giám định, Sở KH&CN ban hành văn bản (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg) gửi nhà đầu tư đề nghị báo cáo và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Sở KH&CN, nhà đầu tư cung cấp 01 bản báo cáo kèm theo bản sao có chứng thực (hoặc có xác nhận sao y bản chính của nhà đầu tư) các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư cho Sở KH&CN.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được báo cáo và các hồ sơ, tài liệu của nhà đầu tư, Sở KH&CN quyết định thành lập Hội đồng tư vấn KH&CN và tổ chức họp Hội đồng để xem xét, cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

Trường hợp phiên họp Hội đồng chưa đủ căn cứ để cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ hoặc có nhiều ý kiến không thống nhất, Hội đồng xem xét, tư vấn thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định và các nội dung cần giám định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được kiến nghị của Hội đồng về việc thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định, Sở KH&CN tổ chức lựa chọn, ban hành văn bản đề nghị giám định và cấp chứng thư giám định (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-

TTg), tiến hành thỏa thuận, ký hợp đồng giám định với tổ chức giám định được chỉ định. Nội dung, thời gian và kinh phí thực hiện giám định quy định tại Hợp đồng giám định.

Trường hợp phải đấu thầu lựa chọn tổ chức giám định, Sở KH&CN tổ chức đấu thầu, thời gian và trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được chứng thư giám định do tổ chức giám định được chỉ định cấp, Sở KH&CN tổ chức họp Hội đồng tư vấn KH&CN lần thứ hai, cho ý kiến về chất lượng và giá trị của máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được ý kiến của Hội đồng tư vấn KH&CN về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư, Sở KH&CN xem xét các nội dung kiến nghị của Hội đồng để kết luận về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư, gửi cơ quan yêu cầu giám định và các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cần thiết, Sở KH&CN lấy thêm ý kiến của chuyên gia độc lập để xem xét, kết luận.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Cơ quan yêu cầu giám định gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở KH&CN; hoặc gửi hồ sơ trực tuyến (thực hiện sau khi có hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định kèm theo các tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm trong dự án đầu tư.

- Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 65 ngày;

- Trường hợp phải thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 110 ngày;

- Trường hợp phải đấu thầu lựa chọn tổ chức giám định được chỉ định, thời gian có thể kéo dài thêm. Thời gian thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Sở KH&CN.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Văn bản kết luận về chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

1.8. Lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản yêu cầu tổ chức việc giám định (Mẫu số 01 Phụ lục của Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg)

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có căn cứ xác định nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.

Mẫu số 01.
(Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg)

**TÊN CƠ QUAN YÊU CẦU
GIÁM ĐỊNH³**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v yêu cầu tổ chức việc giám định
chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị,
dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền⁴

Căn cứ Quyết định số/2023/QĐ-TTg ngày ...tháng ...năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư;

Ngày...tháng...năm....., (cơ quan yêu cầu giám định) có căn cứ xác định Nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, cụ thể như sau:

1. Thông tin về dự án (tên dự án; tên nhà đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; lĩnh vực đầu tư; quy mô của dự án):
2. Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án:
3. Tài liệu cung cấp thông tin về dấu hiệu vi phạm:
 - Lừa dối, giả tạo trong việc lập Hồ sơ dự án đầu tư:.....
 - Lừa dối, giả tạo trong việc lập Hợp đồng chuyển giao công nghệ:
 - Triển khai thực hiện dự án đầu tư không đúng với hồ sơ đã đăng ký:
 - Triển khai hợp đồng chuyển giao công nghệ không đúng với hồ sơ đăng ký hoặc cấp phép:

.....(cơ quan yêu cầu giám định) đề nghị(cơ quan có thẩm quyền) tổ chức việc giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án nêu trên và gửi kết quả giám định đến(cơ quan yêu cầu giám định) sau khi hoàn thành việc giám định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu)

³ Cơ quan yêu cầu giám định là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoặc cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN.

⁴ Cơ quan có thẩm quyền là Bộ KH&CN đối với dự án có dấu hiệu vi phạm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; hoặc là cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án đối với dự án có dấu hiệu vi phạm không thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

B. Danh mục TTHC nội bộ trong Bộ KH&CN mới ban hành

1. Thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân có đóng góp trong lĩnh vực KH&CN

1.1. Trình tự thực hiện

a) Thẩm quyền gửi hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo quy định cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm cả cá nhân đã nghỉ hưu đủ tiêu chuẩn nhưng chưa được xét tặng).

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Bộ KH&CN gửi hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo quy định cho Lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Bộ KH&CN.

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương được gửi trước ngày 20/4 hằng năm đối với các đối tượng sau:

- Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Cá nhân đã và đang công tác tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Cá nhân công tác tại lĩnh vực khác chuyển sang lĩnh vực KH&CN.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương;
- Danh sách trích ngang có tóm tắt thành tích của các trường hợp đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính) và các văn bản điện tử của hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: không quy định

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC

Các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ KH&CN.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC

Quyết định tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân thuộc Bộ KH&CN.

1.8. Phí, lệ phí: không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu Danh sách trích ngang thông tin các cá nhân đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” (Phụ lục kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

1.10.1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” được xét tặng một lần cho một cá nhân vào dịp kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam hoặc theo quyết định của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

1.10.2. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN” cho cá nhân đã và đang công tác thuộc Bộ KH&CN, đạt điều kiện sau:

a) Là lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Bộ;

b) Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ đáp ứng các tiêu chuẩn:

- Có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 05 năm đối với cấp trưởng, 08 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian giữ chức vụ;

- Cá nhân công tác ở lĩnh vực khác chuyển sang công tác ở lĩnh vực KH&CN và được bổ nhiệm cấp trưởng, cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian giữ chức vụ được xét tặng Kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 06 năm đối với cấp trưởng, 09 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian giữ chức vụ;

- Cá nhân là nữ giữ các chức vụ cấp trưởng, cấp phó thì thời gian được giảm 02 năm so với quy định;

- Cá nhân có thời gian giữ chức vụ cấp trưởng nhưng không đủ thời gian để đề nghị xét tặng theo tiêu chuẩn quy định thì được cộng với thời gian giữ chức vụ cấp phó để đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ đó.

c) Cá nhân có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Thời gian xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” hoặc Huân chương Lao động trở lên được giảm 03 năm; cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được giảm 02 năm so với thời gian quy định (đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ);

e) Cá nhân công tác tại lĩnh vực khác chuyển sang lĩnh vực KH&CN được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong lĩnh vực KH&CN và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

1.10.3. Các trường hợp không được và chưa được xét tặng Kỷ niệm chương

- Không xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Chưa xem xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Cá nhân bị kỷ luật chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau khi hết thời gian thi hành kỷ luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;
- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
- Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN.

**Mẫu Danh sách trích ngang thông tin các cá nhân đề nghị tặng
Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của
Bộ trưởng Bộ KH&CN)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
Thông tin các cá nhân đề nghị tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp KH&CN”

| TT | Họ và tên | CCCD/ Hộ chiếu (Số, ngày cấp, nơi cấp) | Năm sinh | | Chức vụ, đơn vị công tác (nếu có) | Số năm công tác hoặc nội dung đóng góp trong lĩnh vực KH&CN | Khen thưởng nhà nước (nếu có) | Kỷ luật (nếu có) |
|-----|-----------|---|----------|----|--------------------------------------|---|-------------------------------------|---------------------|
| | | | Nam | Nữ | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |

Xác nhận
của Cơ quan/đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ký tên, đóng dấu, nếu có)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

2. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ KH&CN (khen thưởng thường xuyên)

2.1. Trình tự thực hiện

a) Xét và đề nghị khen thưởng

a.1. Trường hợp 1: Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân

Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ hằng năm tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị để xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

a.2. Trường hợp 2: Đối với đơn vị trực thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân

Đơn vị tổ chức họp để bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị. Tập thể Lãnh đạo đơn vị quyết định về kết quả khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho tập thể và cá nhân thuộc đơn vị.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng được gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (qua đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua - khen thưởng của Bộ), chậm nhất vào ngày 31/12 hằng năm.

c) Đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua - khen thưởng của Bộ:

- Tiếp nhận, thẩm định, chuẩn bị hồ sơ, tổ chức Phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (vào dịp tổng kết cuối năm) để xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng; Báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (trừ trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

- Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng.

- Thông báo kết quả khen thưởng tới các đơn vị trực thuộc Bộ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ KH&CN nghệ ký Quyết định khen thưởng.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

2.3.1 Thành phần hồ sơ:

a) Công văn đề nghị của Thủ trưởng đơn vị kèm Danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân;

c) Biên bản xét khen thưởng;

d) Các tài liệu minh chứng liên quan:

- Văn bản xác nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN do cá nhân chủ trì hoặc tham gia chính đã được nghiệm thu mức Đạt trở lên; kèm theo các Báo cáo sáng kiến/đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN của cá nhân;

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ; Quyết định các danh

hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” cho tập thể và cá nhân thuộc đơn vị.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính) và các văn bản điện tử của hồ sơ

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ KH&CN

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định tặng các danh hiệu thi đua và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

2.8. Phí, lệ phí: không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

a) Công văn đề nghị khen thưởng (Mẫu 01 Quyết định số 91/QĐ-BKHCN 26/01/2024) kèm Danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị;

b) Báo cáo thành tích của tập thể (Mẫu 02 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP), cá nhân (Mẫu 03 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP);

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (Mẫu 04 Quyết định số 91/QĐ-BKHCN26/01/2024);

d) Các tài liệu minh chứng liên quan:

- Văn bản xác nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN (Mẫu 11 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP); kèm theo các Báo cáo sáng kiến/đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN (Mẫu 02 Quyết định số 91/QĐ-BKHCN 26/01/2024).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

2.10.1. Tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”

Danh hiệu “chiến sĩ thi đua cấp Bộ” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

b.1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là các tập thể thuộc, trực thuộc Bộ KH&CN, bao gồm:

- Tập thể trực thuộc Bộ;

- Tập thể trực thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ.

b.2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ KH&CN”

c.1. Đối tượng xét tặng “Cờ thi đua của Bộ KH&CN” là các tập thể thuộc, trực thuộc Bộ KH&CN, bao gồm:

- Tập thể trực thuộc Bộ;
- Tập thể có tư cách pháp nhân trực thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ.

c.2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ KH&CN” được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu khối thi đua do Bộ KH&CN tổ chức và đạt các tiêu chuẩn:

- Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;
- Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

2.10.2. Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN

a) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN được xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc Bộ KH&CN gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt tiêu chuẩn sau:

Cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở;

b) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN được xét tặng cho tập thể thuộc, trực thuộc Bộ KH&CN gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt tiêu chuẩn sau:

Tập thể được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, triển khai tốt các phong trào thi đua.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022;

- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
- Thông tư số 22/2023/TT-BKH&CN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN;
- Quyết định số 91/QĐ-BKH&CN ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ KH&CN.

Mẫu 01

(Quyết định số 91/QĐ-BKHCN ngày 26/01/2024)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

V/v đề nghị khen thưởng

Kính gửi: Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ

Thực hiện Công văn số...của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (thi đua - khen thưởng) Bộ...về việc.....

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (đơn vị)/kết quả họp xét khen thưởng của (đơn vị) ngày ...

A. Đơn vị đã xét và công nhận (đối với các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân):

1. Đối với tập thể:

- Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến: (số lượng)
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: (số lượng)

2. Đối với cá nhân:

- Danh hiệu Lao động tiên tiến: (số lượng)
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: (số lượng)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: (số lượng)

B. Đơn vị đề nghị công nhận (đối với các đơn vị trực thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân):

1. Đối với tập thể: Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến/Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

2. Đối với cá nhân:

- Danh hiệu Lao động tiên tiến: (số lượng)
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: (số lượng)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: (số lượng)

C. Đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trình Bộ trưởng (các đơn vị trực thuộc Bộ)

I. Hình thức khen thưởng

Bằng khen của Bộ trưởng cho: ... tập thể

Bảng khen của Bộ trưởng cho: ... cá nhân

II. Danh hiệu thi đua

1. Tập thể Lao động xuất sắc: ...
2. Cờ thi đua của Bộ...
3. Chiến sĩ thi đua cấp Bộ...

III. Trình khen thưởng Nhà nước (danh sách kèm báo cáo thành tích)
gồm: ...

Hồ sơ được gửi kèm Công văn gồm: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

Mẫu 02

(Nghị định số 98/2023/NĐ-CP)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

¹Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...**BÁO CÁO THÀNH TÍCH****ĐỀ NGHỊ KHEN.....²**

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể³.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC⁴

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ. Đối với tập thể nhỏ không thuộc đối tượng tặng Cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh thì ghi rõ nội dung này trong báo cáo thành tích.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước⁵.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn hoạt động, sản xuất, công tác của cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁶.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể⁷.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁸

1. Danh hiệu thi đua:

| Năm | Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định |
|-----|-------------------|--|
| | | |
| | | |

2. Quyết định công nhận hoặc văn bản xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)

3. Hình thức khen thưởng:

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định |
|-----|-----------------------|--|
| | | |
| | | |

**XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

¹ Địa danh.

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng: Không gộp chung thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước với Thủ tướng Chính phủ. Tờ trình lập riêng theo từng loại hình khen thưởng; trình khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu vinh dự nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước).

³ Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh cần nêu tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...).

⁴ Báo cáo thành tích liên tục từ 25 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng; liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công; liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh và Giấy khen; 01 năm đối với Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến; 02 năm liên tục đối với Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh.

⁵ Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh trong thời gian tính thành tích khen thưởng), ví dụ:

- Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội.

- Đối với trường học: Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội...).

⁶ Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện...

⁷ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể (ghi số, ngày tháng năm của giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận).

⁸ Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, tỉnh tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

Mẫu 03

(Nghị định số 98/2023/NĐ-CP)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

¹Tỉnh (thành phố), ngày... tháng... năm...**BÁO CÁO THÀNH TÍCH****ĐỀ NGHỊ TẶNG.....²**

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:..... Giới tính:..... Dân tộc, tôn giáo
- Quê quán³:
- Nơi thường trú³:
- Cơ quan, địa phương công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC⁴

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân⁵:

Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ thì ghi rõ số quyết định hoặc số văn bản xác nhận; ngày, tháng, năm của quyết định hoặc của văn bản xác nhận; cơ quan ban hành.

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN⁶

1. Danh hiệu thi đua:

| Năm | Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định |
|-----|-------------------|--|
| | | |

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

2. Hình thức khen thưởng:

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định |
|-----|-----------------------|--|
| | | |

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

¹ Địa danh.

² Ghi rõ thành tích đề nghị khen thưởng

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

⁴ Báo cáo thành tích liên tục từ 10 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công; liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động; liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 06 năm liên tục đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, 03 năm liên tục đối với danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh; 02 năm liên tục đối với Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh; 01 năm đối với Chiến sĩ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến và Giấy khen.

⁵ Nếu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...).

- Đối với người làm công tác lãnh đạo, quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

- Đối với trường học: Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả về công tác tổ chức và quản lý, quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ; tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế (đối với cơ sở đào tạo), có so sánh với giai đoạn trước khi khen thưởng.

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội...).

- Đối với các hội đoàn thể, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm và các chương trình công tác của trung ương hội, đoàn thể giao.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương...

⁶ Nếu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, tỉnh tặng hoặc truy tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ v.v...

- Đối với đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

+ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ngành, tỉnh và 06 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN kèm theo hồ sơ.

- Đối với báo cáo đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh, ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN được cấp có thẩm quyền công nhận.

(Quyết định số 91/QĐ-BKHCN ngày 26/01/2024)

TÊN ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG THI ĐUA-KHEN THƯỞNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày... tháng...năm 20...***BIÊN BẢN HỌP**
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Ngày...tháng...năm..., tại.....Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (tên đơn vị) đã tổ chức cuộc họp Hội đồng để xét khen thưởng...

I. Thành phần dự họp:

1. Họ và tên.....chức danh.....chủ trì
2. Họ và tên.....chức danh.....
3. Họ và tên.....chức danh.....

II. Diễn biến cuộc họp:**III. Kết luận:**

Đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng tặng thưởng: Hình thức khen thưởng; danh hiệu thi đua và trình khen thưởng nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc ... (đơn vị) (*Danh sách kèm theo*).

Cuộc họp kết thúc.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
*(ký, ghi họ và tên)***TM. HỘI ĐỒNG**
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký, ghi họ và tên, chức danh)

Ghi chú: Các đơn vị không có tư cách pháp nhân áp dụng mẫu này để làm Biên bản của đơn vị.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...² - ...³...

...⁴..., ngày... tháng... năm...

**XÁC NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG
KIẾN HOẶC ĐỀ TÀI KHOA HỌC, ĐỀ ÁN KHOA HỌC, CÔNG TRÌNH
KH&CN**

Căn cứ

Căn cứ

Căn cứ

Cơ quan tổ chức (đơn vị trình khen thưởng)⁵ xác nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN..... đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” hoặc đề nghị khen thưởng cho cá nhân (hoặc các cá nhân) có tên sau đây:

1. Họ và tên:.....

Chức vụ, đơn vị công tác:

- Tên sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN

.....
- Hiệu quả đạt được khi áp dụng sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN:

.....
- Phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN:

2. Họ và tên:

Chức vụ, đơn vị công tác:.....

- Tên sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN

.....
- Hiệu quả đạt được khi áp dụng sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN:

.....
- Phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN:

.....
Ý kiến của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận hoặc xác nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN..... để đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
*(Chữ ký của người thẩm quyền, dấu/chữ
 ký số của cơ quan, tổ chức)*

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, ...⁶...⁷...

Họ và tên

.....
 8

Ghi chú:

- ¹ Tên cơ quan, tổ chức trình khen.
- ² Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn.
- ³ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo công văn.
- ⁴ Địa danh.
- ⁵ Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận.
- ⁶ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- ⁷ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).
- ⁸ Địa chỉ cơ quan, tổ chức; thư điện tử; trang thông tin điện tử; số điện thoại; số Fax (nếu cần).

(Quyết định số 91/QĐ-BKH-CN ngày 26/01/2024)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20 ...***BÁO CÁO SÁNG KIẾN/ ĐỀ TÀI KHOA HỌC, ĐỀ ÁN KHOA HỌC,
CÔNG TRÌNH KH&CN****1. Thông tin cá nhân**

- Họ tên: Giới tính:
- Ngày sinh: Chức vụ:
- Đơn vị công tác:

2. Tên sáng kiến/ đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN của cá nhân: ...**3. Nội dung**

- Nêu rõ hiện trạng, ý tưởng, nội dung giải pháp/vai trò tham gia;
- Nêu rõ vai trò tham gia (chủ trì/thành viên chính) và kết quả (sản phẩm) của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN.

4. Thời gian thực hiện

- Thời gian kết quả (sáng kiến) được áp dụng.
- Thời gian bắt đầu, kết thúc (đối với đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN).

5. Kết quả

- Nêu rõ kết quả của sáng kiến, số và ngày tháng năm của văn bản được ban hành hoặc trình ban hành, thông tin Biên bản nghiệm thu/Quyết định công nhận đối với đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN;
- Nêu hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến/đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình KH&CN.

*(Kèm theo tài liệu minh chứng liên quan).***Thủ trưởng đơn vị**
xác nhận
*(Ký tên, đóng dấu nếu có)***Người báo cáo**
(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ KH&CN (đề nghị khen thưởng đột xuất)

3.1. Trình tự thực hiện

- Các đơn vị trực thuộc Bộ gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (qua đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua - khen thưởng của Bộ).

- Đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua - khen thưởng của Bộ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Báo cáo Hội đồng thi đua - khen thưởng Bộ hoặc thực hiện theo yêu cầu của Bộ trưởng.

- Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng.

- Thông báo kết quả khen thưởng tới các đơn vị trực thuộc Bộ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ KH&CN ký Quyết định khen thưởng.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Công văn đề nghị của Thủ trưởng đơn vị kèm Danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng;

- Tài liệu minh chứng liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính) và các văn bản điện tử của hồ sơ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ KH&CN

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

a) Công văn đề nghị khen thưởng (Mẫu 01 Quyết định số 91/QĐ-BKH&CN) kèm Danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị;

b) Báo cáo thành tích (Mẫu 07 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP);

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (Mẫu 04 Quyết định số 91/QĐ-BKH&CN).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

3.10.1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN được xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc Bộ KH&CN gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân lập được nhiều thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực quản lý của Bộ (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch cá nhân phải đảm nhận);

b) Cá nhân có quá trình đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển KH&CN (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương trở lên nhưng không đủ thời gian giữ chức vụ theo quy định để trình khen thưởng Nhà nước);

c) Cá nhân có nhiều đóng góp trong xây dựng đơn vị và Bộ KH&CN, góp phần vào sự phát triển KH&CN được xét khen thưởng nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày truyền thống của đơn vị khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thời gian công tác tại đơn vị từ 10 năm trở lên;

- Liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

d) Cá nhân điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua có tác dụng nêu gương, nhân rộng trong Bộ;

e) Cá nhân lập được nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ.

3.10.2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ KH&CN được xét tặng cho tập thể thuộc, trực thuộc Bộ KH&CN gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Bộ (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch tập thể phải đảm nhận);

b) Tập thể có nhiều đóng góp trong xây dựng đơn vị và Bộ KH&CN, góp phần vào sự phát triển KH&CN được xét khen thưởng nhân dịp kỷ niệm (năm tròn) ngày truyền thống của đơn vị khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có quá trình xây dựng và phát triển từ 05 năm trở lên;

- Liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

c) Tập thể điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, có tác dụng nêu gương, nhân rộng trong Bộ.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

- Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

- Thông tư số 22/2023/TT-BKHCN ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực KH&CN;

- Quyết định số 91/QĐ-BKHCN ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ KH&CN.

(Quyết định số 91/QĐ-BKHHCN ngày 26/01/2024)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

V/v đề nghị khen thưởng

Kính gửi: Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Bộ

Thực hiện Công văn số...của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (thi đua - khen thưởng) Bộ...về việc.....

Căn cứ đề nghị của Hội đồng thi đua - khen thưởng (đơn vị)/kết quả họp xét khen thưởng của (đơn vị) ngày ...

A. Đơn vị đã xét và công nhận (đối với các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân):**1. Đối với tập thể:**

- Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến: (số lượng)
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: (số lượng)

2. Đối với cá nhân:

- Danh hiệu Lao động tiên tiến: (số lượng)
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: (số lượng)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: (số lượng)

B. Đơn vị đề nghị công nhận (đối với các đơn vị trực thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân):**1. Đối với tập thể:** Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến/Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**2. Đối với cá nhân:**

- Danh hiệu Lao động tiên tiến: (số lượng)
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: (số lượng)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: (số lượng)

C. Đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trình Bộ trưởng (các đơn vị trực thuộc Bộ)**I. Hình thức khen thưởng**

Bằng khen của Bộ trưởng cho: ... tập thể

Bằng khen của Bộ trưởng cho: ... cá nhân

II. Danh hiệu thi đua

1. Tập thể Lao động xuất sắc: ...
2. Cờ thi đua của Bộ...
3. Chiến sĩ thi đua cấp Bộ...

III. Trình khen thưởng Nhà nước (danh sách kèm báo cáo thành tích)
gồm: ...

Hồ sơ được gửi kèm Công văn gồm: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

¹Tỉnh (thành phố), ngày... tháng...năm...

TÓM TẮT THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG).....¹
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong.....)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của Nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...).

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH
KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ HOẶC CÁ NHÂN BÁO
CÁO³
(Ký, đóng dấu)

(Quyết định số 91/QĐ-BKHCN ngày 26/01/2024)

TÊN ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG THI ĐUA-KHEN THƯỞNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...***BIÊN BẢN HỌP**
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Ngày...tháng...năm..., tại.....Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (tên đơn vị) đã tổ chức cuộc họp Hội đồng để xét khen thưởng...

I. Thành phần dự họp:

- Họ và tên.....chức danh.....chủ trì
- Họ và tên.....chức danh.....
- Họ và tên.....chức danh.....

II. Diễn biến cuộc họp:**III. Kết luận:**

Đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng tặng thưởng: Hình thức khen thưởng; danh hiệu thi đua và trình khen thưởng nhà nước cho các tập thể, cá nhân thuộc ... (đơn vị) (*Danh sách kèm theo*).

Cuộc họp kết thúc.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG
*(ký, ghi họ và tên)***TM. HỘI ĐỒNG**
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký, ghi họ và tên, chức danh)